

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 323/2025/DS-PT

Ngày: 23/5/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Đoan.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Thúy - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST, ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 870/2025/QĐ-PT ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

Tạm trú: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị H1:

Nguyễn Văn G, sinh năm 1944; (có mặt)

Địa chỉ: Số F, Rạch G, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trịnh Văn Bé T, sinh năm 1964; (có văn bản xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Do chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị H có tham gia 01 dây hụi do bà Nguyễn Thị H1 làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 20 tháng 2 trước nhuận năm 2023 (âm lịch) dây hụi này có 34 phần, bà Nguyễn Thị H tham gia 01 phần, một tháng khai 01 lần, bà Nguyễn Thị H đã đóng được 18 lần, hụi chưa mãn nhưng tới tháng 7/2024 âm lịch không đóng nữa do bể hụi.

Dây hụi này bà Nguyễn Thị H1 nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 35.200.000 đồng.

Tại thời điểm bà Nguyễn Thị H tham gia hụi do bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T làm chủ hụi là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T, số tiền nợ nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T nên bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị H.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 35.200.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại văn bản xin thay đổi ý kiến ngày 06/12/2024, biên bản hòa giải ngày 16/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Văn V là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận hiện nay bà Nguyễn Thị H1 có nợ bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 35.200.000 đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị H1 xin trả vốn với số tiền 28.800.000 đồng vào ngày 19/11/2025;

Việc bà Nguyễn Thị Hồng C hụi ông Trịnh Văn Bé T không biết, bà Nguyễn Thị H1 không có sử dụng số tiền hụi vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà Nguyễn Thị H1 sử dụng số tiền hụi vào mục đích tiêu xài cá nhân và để choàng hụi cho những người không đóng hụi.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2024 bị đơn ông Trịnh Văn Bé T trình bày: Ông Trịnh Văn Bé T thống nhất theo lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị H1. Bà Nguyễn Thị H1 ở chung nhà với ông Trịnh Văn Bé T, ông Trịnh Văn Bé T có biết bà Nguyễn Thị H1 là chủ hụi nhưng việc bà Nguyễn Thị Hồng C hụi với ai và bao nhiêu phần hụi ông Trịnh Văn Bé T không biết, ông Trịnh Văn Bé T không có khi nào nhận tiền hụi của bà Nguyễn Thị H. Ông Trịnh Văn Bé T suốt ngày đi làm vườn, đi ruộng nên không biết gì tới hụi của bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T chưa hề sử dụng một đồng nào từ tiền của bà Nguyễn Thị Hồng C hụi. Bà Nguyễn Thị Hồng C hụi là để tiêu xài cá nhân ông Trịnh Văn Bé T không hề biết.

Ông Trịnh Văn Bé T không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST, ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị H1.

Buộc ông Trịnh Văn Bé T và bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hụi là 35.200.000 đồng, trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T phải chịu 1.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 07/02/2025, bị đơn Nguyễn Thị H1 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, ông Trịnh Văn Bé T không có trách nhiệm liên đới cùng bà trả nợ hụi cho bà Nguyễn Thị H;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đưa ra nhiều luận cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Trịnh Văn Bé T tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là không đúng; Việc buộc ông T và bà H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi cho bà H là không phù hợp, việc bà H1 làm chủ thảo ông T không biết, không dùng tiền hoa hồng khi làm chủ thảo lo cho gia đình là không đúng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung;

Nguyên đơn Nguyễn Thị H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H1;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án đại

diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, văn bản ủy quyền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hội” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân Sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 07/02/2025 và biên lai nộp tạm ứng án phí ngày 20/02/2025, ngày nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 là ngày 07/02/2025 thì người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, ông Bé T có văn bản xin vắng mặt vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định;

Xét văn bản ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho anh Trần Văn V tại giai đoạn sơ thẩm là không phù hợp. Tuy nhiên, bà H1 thừa nhận có ủy quyền cho anh V tại giai đoạn sơ thẩm và không có ý kiến về phần này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 không còn ủy quyền cho anh Trần Văn V và bà H1 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn G, văn bản ủy quyền cho ông G là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo bà H1 về việc đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét việc tham gia hội của bà Nguyễn Thị H do bà Nguyễn Thị H1 làm chủ thảo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn Nguyễn Thị H1 thì bà Nguyễn Thị H có tham gia 01 dãy hội do bà H1 làm chủ thảo như lời trình bày của bà Nguyễn Thị H và còn nợ số tiền hội 35.200.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị H1 xin trả số tiền hội vốn là 28.800.000 đồng và bà Nguyễn Thị H1 xin trả vào ngày 19/11/2025 và không được bà Nguyễn Thị Hiệp đồng Ý;

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả số tiền hui 35.200.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H là có căn cứ.

[2.2]. Xét trách nhiệm liên đới của ông Trịnh Văn Bé T, bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ hui cho bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T cho rằng: Khi bà Nguyễn Thị Hồng C hui ông Trịnh Văn Bé T không biết, nên một mình bà Nguyễn Thị Hồng T1 trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, không liên quan đến ông Trịnh Văn Bé T;

Căn cứ vào lời thừa nhận ông Trịnh Văn Bé T thì ông T có biết bà Nguyễn Thị H1 là chủ hui;

Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T cũng không chứng minh được việc số tiền có được từ việc chơi hui của bà Nguyễn Thị H1 nhằm mục đích sử dụng riêng của bà Nguyễn Thị H1;

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 xác định: Trước khi bà Nguyễn Thị H1 bị các hui viên giật hui, số tiền có được từ việc bà Nguyễn Thị H1 là chủ hui bà Nguyễn Thị H1 có sử dụng vào việc mua gạo, đóng tiền điện, tiền nước trong gia đình bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T. Ông Trịnh Văn Bé T suốt ngày đi làm vườn, đi ruộng nên mọi chi tiêu trong gia đình của bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T đều do bà Nguyễn Thị Hồng L;

Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T là vợ chồng nên số tiền nợ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên số tiền hui là nợ chung của bà Nguyễn Thị H1 và ông Trịnh Văn Bé T;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Trịnh Văn Bé T cùng với bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hui là 35.200.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài những chứng cứ mà bà H1 cung cấp trong giai đoạn sơ thẩm thì bà H1 cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà H1 nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H1 chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tuyên về việc trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót nên cần bổ sung cho phù hợp.

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST, ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;

Buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Trịnh Văn Bé T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 35.200.000 đồng (ba mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng);

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1, ông Tư C1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Trịnh Văn Bé T phải chịu 1.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp 880.000 đồng (tám trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003668 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003875 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu